

Bản án số: 21/2019/DS-ST

Ngày 06-11-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Anh Đào.

2. Ông Văn V Biên Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liếng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08-10-2019 và ngày 06-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. N đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Địa chỉ: số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh S. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh S là anh Bùi Phước N, sinh năm 1988. Chức vụ: Trưởng phòng – Phòng giao dịch Tân H.

2. Bị đơn:

- Đỗ Văn C, sinh năm 1960.

- Phạm Thị H, sinh năm 1962.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đỗ Văn V, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Bùi Phước N có mặt tại phiên tòa, ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H, anh Đỗ Văn V vắng mặt lần 2, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28-02-2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của N đơn là anh Bùi Phước N trình bày: Ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V (anh V thỏa thuận để ông C, bà H thực hiện giao dịch theo giấy thỏa thuận ngày 14-12-2015) có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) SGTT hợp đồng cho vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 cụ thể:

+ Mức cho vay là 250.000.000đồng,

+ Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng.

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi vịt.

+ Lãi suất: Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 11%/ năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 04 kể từ ngày ký giấy nhận nợ này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 4,6%/ năm, và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/ lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

+ Thời hạn trả nợ: ngày 12-12-2018.

Để đảm bảo khoản vay thì Ngân hàng và khách hàng có hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1534900211 ngày 15-12-2015 đối với quyền sử dụng đất thửa số 57, tờ bản đồ số 15, diện tích 160m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn, trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 124,8m², diện tích sàn 124,8m². Đất và nhà tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, đến khi hết hạn trả nợ thì ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V chỉ thực hiện việc trả lãi cho Ngân hàng 01 kỳ lãi với số tiền 14.252.960đồng. Sau đó thì không trả nữa dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V.

Nay, Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu hộ ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền 303.246.575 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 250.000.000 đồng, lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 06-11-2019) là 53.246.575 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 07-11-2019 theo hợp đồng vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1534900211 ngày 15-12-2015 đối với quyền sử dụng đất thửa số 57, tờ bản đồ số 15, diện tích 160m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn, trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 124,8m², diện tích sàn 124,8m². Đất và nhà tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngân hàng cam kết các chữ ký trong hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là của ông C, bà H và chịu trách nhiệm về sự cam kết của Ngân hàng.

- Đối với ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H là bị đơn và anh Đỗ Văn V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V đều vắng mặt không lý do, nên không thu thập được ý kiến của ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung vụ án: Việc ông Đỗ Văn C và bà Phạm Thị H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Tân H cấp vào ngày 26-11-2015 cho hộ ông Đỗ Văn C để vay vốn của Ngân hàng TMCP SGTT là có thật. Do đó, yêu cầu Ngân hàng TMCP SGTT là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 28-02-2019, Ngân hàng TMCP SGTT nộp tại Tòa án nhân dân huyện Tân H về việc yêu cầu hộ ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền 272.840.278đồng. Trong đó: Nợ gốc: 250.000.000đồng, lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 19-02-2019) là 22.840.278đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 cho đến khi thanh toán hết nợ và xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1534900211 ngày 15-12-2015. Nên xét thấy đây là vụ tranh chấp hợp đồng dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do. Theo xác nhận của chính quyền địa phương ngày 25-3-2019, ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có hộ khẩu thường trú tại Ấp B, xã T, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp đã không có mặt ở địa phương từ tháng 5-2017, khi đi không để lại địa chỉ. Theo hợp đồng vay tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông C, bà H với Ngân hàng đều ghi rõ địa chỉ là Ấp B, xã T, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, khi khởi kiện Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của ông C, bà H và anh V, nay ông C, bà H và anh V thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có hộ khẩu thường trú tại huyện Tân H. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân H thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT về việc yêu cầu hộ ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền 303.246.575đồng. Trong đó: Nợ gốc: 250.000.000đồng, lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 06-11-2019) là 53.246.575đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 07-11-2019 theo hợp đồng vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 và xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1534900211 ngày 15-12-201. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của N đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có xác lập hợp đồng vay tiền, cụ thể là theo hợp đồng cho vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 vay số tiền là 250.000.000đồng, phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng, mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi vịt, lãi suất: Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 11%/ năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 04 kể từ ngày ký giấy nhận nợ này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất bằng tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank+ biên độ 4,6%/ năm, và được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/ lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay, thời hạn trả nợ: ngày 12-12-2018. Nhưng trong quá trình thực hiện thì ông C, bà H và anh V chỉ thực hiện việc trả lãi cho Ngân hàng 01 kỳ lãi với số tiền 14.252.960đồng. Sau đó không thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng đã thỏa thuận.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được hai bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, ông C, bà H và anh V đã được giải ngân toàn bộ số tiền được cấp tín dụng và ông C, bà H đã thực hiện việc trả được một kỳ lãi nhưng sau đó không tiếp tục thanh toán đầy đủ tiền nợ vốn và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên ký kết.

Do đó, Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu hộ ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền 303.246.575đồng. Trong đó: Nợ gốc: 250.000.000đồng, nợ lãi (tạm tính đến ngày 06-11-2019) là 53.246.575đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 07-11-2019 theo thỏa thuận tại hợp đồng vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1534900211 ngày 15-12-2015 giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V đối với quyền sử dụng đất thửa số 57, tờ bản đồ số 15, diện tích 160m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn, trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 124,8m², diện tích sàn 124,8m². Đất và nhà tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân H cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Đỗ Văn C ngày 26-11-2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông C, bà H và anh V được ký kết là để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng cho vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của N đơn cam kết chữ ký trong hợp đồng thế chấp là của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và chịu trách nhiệm đối với sự cam kết đó.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ tại khoản 1 Điều 299, 318, 320, 323, 351 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xem xét công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1534900211 ngày 15-12-2015 giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V phải chịu 303.246.575 đồng x 5% = 15.162.328đồng (làm tròn là 15.162.000đồng) tiền án dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT 6.821.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007979 ngày 20-3-2019 (do anh Trịnh Phước Ngọc nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân H.

[4] Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu nên Ngân hàng TMCP SGTT phải chịu chi phí theo quy định tại điều khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 299, 318, 320, 323, 351 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP SGTT.

Buộc hộ ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP SGTT tổng số tiền 303.246.575 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 250.000.000 đồng, nợ lãi (tạm tính đến ngày 06-11-2019) là 53.246.575 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 07-11-2019 theo hợp đồng vay số LD1534900211 ngày 15-12-2015 cho đến khi thanh toán xong.

Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1534900211 ngày 15-12-2015 giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn C, bà Phạm Thị H và anh Đỗ Văn V phải chịu 15.162.328 đồng (làm tròn là 15.162.000 đồng) tiền án dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT 6.821.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007979 ngày 20-3-2019 (do anh Trịnh Phước Ngọc nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân H

[3] Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu nên Ngân hàng TMCP SGTT phải chịu.

N đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, bản án được niêm yết hoặc bản án được đăng phát đầu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân H;
- Chi cục THADS huyện Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký
Phạm Thị Mỹ Hương**